

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2019

LỚP: 1929TN01

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	TIN HỌC	
1	T1900006	TRƯƠNG CƯỜNG	AN		06/09/2001	8,5	9,0	3,5	5,0	6,5	
2	T1900008	ĐỖ TUẤN	ANH		01/08/2001	9,5	8,5	4,5	6,5	5,5	
3	T1900034	NGUYỄN MINH	CÔNG		22/09/2001	9,5	10,0	6,0	7,0	6,5	
4	T1900040	LÊ THỊ KIM	CHÂU	X	31/01/2001	10,0	10,0	7,0	9,0	7,0	
5	T1900047	TRẦN NGUYỄN	CHƯƠNG		29/08/2001	9,0	9,5	6,5	8,0	6,0	
6	T1900056	VÕ NGỌC	DIỄM	X	09/08/2000	8,0	10,0	7,0	8,5	5,5	
7	T1900109	NGUYỄN MINH	ĐỨC		13/09/2001	8,5	7,5	4,5	4,0	6,0	
8	T1900150	LÝ YẾN	HUỆ	X	23/02/2001	9,5	10,0	6,0	5,5	5,5	
9	T1900161	PHẠM QUỐC	HUY		22/04/2001	8,5	9,0	5,0	7,0	5,0	
10	T1900173	NGUYỄN THIÊN	HƯỚNG		01/12/2001	9,5	8,5	4,5	7,0	7,0	
11	T1900212	PHAN QUỐC	KHÁNH		06/05/2001	9,0	8,5	7,0	8,5	5,0	
12	T1900216	LÊ ĐĂNG	KHOA		19/05/2001	8,5	10,0	7,0	8,5	5,0	
13	T1900231	LƯU THANH	LIÊM		21/10/2001	8,5	9,5	5,0	6,0	5,0	
14	T1900281	VÕ THỊ KIỀU	MY	X	20/11/2001	8,0	9,0	4,5	6,0	6,5	
15	T1900286	NGUYỄN HOÀNG	NĂNG		16/02/2001	8,5	5,5	5,5	4,5	8,0	
16	T1900299	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	X	09/04/2001	9,5	10,0	6,0	8,0	8,0	
17	T1900307	TRƯƠNG HỮU	NGHĨA		02/08/2001	9,5	9,5	6,5	8,5	4,0	
18	T1900308	HUYỀN TRANG	NGHIÊM		28/02/2001	9,5	8,5	7,5	8,5	7,5	
19	T1900361	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	X	08/05/2001	8,5	7,5	3,5	4,0	7,0	
20	T1900362	NGUYỄN THỊ UYÊN	NHI	X	16/10/2001	9,0	8,5	5,0	6,0	5,5	
21	T1900395	TRẦN MINH	NHỤT		17/03/2001	8,5	9,5	2,5	5,0	6,5	
22	T1900451	NGUYỄN NGỌC	TÀI		05/04/2001	9,5	9,5	4,5	7,5	8,5	
23	T1900462	DƯƠNG THỊ MỸ	TIÊN	X	27/04/2001	7,0	8,5	5,0	6,5	5,5	
24	T1900493	LÊ THANH	TÙNG		15/07/2001	6,5	8,0	7,5	9,0	5,0	
25	T1900519	NGUYỄN THỊ NHƯ	THẢO	X	29/06/2001	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
26	T1900521	TẶNG THỊ THU	THẢO	X	07/05/2001	9,0	10,0	4,5	6,5	5,5	
27	T1900544	HÀ BÍCH	THU	X	25/09/2001	9,5	10,0	5,5	7,0	7,0	
28	T1900549	TRỊNH THU	THỦY	X	31/03/2001	9,5	10,0	5,5	4,5	5,5	
29	T1900570	BÙI THỊ KIM	TRÂM	X	02/05/2001	9,0	9,5	4,5	6,5	5,5	
30	T1900572	LÊ NGUYỄN NGỌC	TRÂM	X	08/05/2001	9,5	9,0	6,0	5,0	8,5	
31	T1900585	PHẠM HỮU	TRÍ		10/08/2001	10,0	9,5	4,5	5,0	6,5	
32	T1900595	BÙI THỊ KIM	TRÚC	X	05/03/2001	10,0	10,0	4,5	4,5	7,0	
33	T1900614	TRẦN THỊ TUYẾT	VI	X	01/05/2001	8,0	7,0	3,5	2,0	7,0	
34	T1900619	NGUYỄN TRIỆU	VĨ		16/10/2000	6,5	7,5	5,0	5,0	7,0	
35	T1900647	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	X	29/10/2001	10,0	8,5	6,5	6,5	8,5	
36	T1900926	NGUYỄN TRUNG	HUÂN		11/04/2001	10,0	10,0	7,0	5,5	8,0	



HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

Nguyễn Minh Trí

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2019

LỚP: 1929TN02

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	TIN HỌC	
1	T1900012	LÊ PHAN TRÚC	ANH	X	15/07/2001	9,5	9,5	6,0	5,0	8,5	
2	T1900023	LÊ HỒNG	ẢNH	X	14/11/2001	10,0	10,0	7,5	7,0	7,5	
3	T1900057	HỒ THANH	DIÊN		19/09/2001	10,0	10,0	5,5	4,0	7,5	
4	T1900062	NGUYỄN TẤN	DŨNG		20/04/2001	4,0	7,0	7,0	4,5	4,5	
5	T1900069	LÂM ANH	DUY		03/10/2001	10,0	10,0	9,0	8,5	8,0	
6	T1900081	NGUYỄN THỊ CẨM	DUYÊN	X	10/12/2000	8,0	9,5	6,5	4,5	5,0	
7	T1900084	LÊ QUỐC	DƯƠNG		26/12/2000	9,5	9,5	4,5	6,0	8,5	
8	T1900091	NGUYỄN HOÀNG	ĐANG		14/05/2001	9,5	10,0	6,5	5,0	3,0	
9	T1900094	LÊ HUỲNH VĨNH	ĐẠT		27/09/2001	9,0	8,5	6,0	5,0	6,5	
10	T1900098	NGUYỄN VĂN	ĐẠT		09/07/2001	4,5	7,5	5,0	3,5	6,5	
11	T1900111	VÕ MINH	ĐỨC		25/02/2001	10,0	8,5	6,5	7,0	8,5	
12	T1900122	PHAN NGỌC	HÀ	X	22/04/2001	9,0	8,0	8,5	7,0	8,0	
13	T1900140	PHAN THỊ	HIỀN	X	14/07/2001	10,0	8,0	8,0	7,5	6,5	
14	T1900164	DƯƠNG THỊ NHƯ	HUỲNH	X	05/05/2001	6,5	6,5	5,5	4,0	6,5	
15	T1900219	NGUYỄN ANH	KHÔI		27/10/2001	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
16	T1900220	NGUYỄN PHÚC	KHÔI		02/08/2001	8,0	6,0	3,5	3,5	7,5	
17	T1900248	VÕ THÀNH	LỘC		24/05/2001	9,0	6,0	6,0	5,5	6,5	
18	T1900260	ĐỖ PHƯỚC	LÝ		11/04/2001	9,5	8,5	7,0	7,5	7,5	
19	T1900278	PHAN HUỲNH	MY		12/05/2001	9,5	10,0	7,5	6,0	5,0	
20	T1900306	TRẦN THỊ TUYẾT	NGHI	X	23/07/2001	9,0	9,5	6,0	6,5	7,0	
21	T1900345	BÙI THỊ HỒNG	NHI	X	10/03/2001	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
22	T1900372	LÊ THỊ HOÀNG	NHUNG	X	12/03/2001	8,0	9,5	3,5	5,5	6,0	
23	T1900421	LÂM ANH	PHƯƠNG		03/10/2001	10,0	10,0	9,0	7,5	7,0	
24	T1900422	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	X	03/07/2001	10,0	10,0	6,5	8,0	7,5	
25	T1900425	TRẦN NHẬT	QUANG		25/09/2001	9,0	8,5	6,5	7,5	7,0	
26	T1900442	HUỲNH VĂN	SANG		28/09/2001	10,0	8,5	3,5	7,0	6,5	
27	T1900448	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN		10/08/2001	8,5	9,5	5,5	6,5	8,0	
28	T1900476	VÕ TRUNG	TÍN		31/03/2001	10,0	8,5	2,0	5,5	5,0	
29	T1900571	KIỀU THỊ BÍCH	TRÂM	X	08/03/2001	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
30	T1900606	PHAN QUỐC	VĂN		09/09/2001	8,5	8,5	6,5	7,5	6,5	
31	T1900630	NGUYỄN TIÊN	VY	X	16/04/1999	8,0	9,5	7,0	7,5	5,5	
32	T1900636	ĐƯỜNG THỊ THANH	XUÂN	X	09/03/2001	7,0	9,0	5,0	4,0	6,0	
33	T1900644	LÊ PHI	YẾN	X	14/10/2001	9,5	9,5	3,5	4,0	5,0	
34	T1900645	NGUYỄN THỊ	YẾN	X	21/12/2000	10,0	10,0	8,5	7,0	5,0	
35	T1900789	CHIÊM CAO	NGUYỄN		10/02/2001	9,0	10,0	4,0	6,0	4,0	
36	T1900922	TRẦN THÁI	DUY		22/12/2001	9,5	7,5	6,0	6,5	7,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
Nguyễn Minh Trí

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2019

LỚP: 1929TN03

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	TIN HỌC	
1	T1900021	TRẦN TUẤN	ANH		04/10/2000	8,0	9,0	2,5	4,5	5,5	
2	T1900042	THÁI HỒNG	CHÂU		01/06/2001	9,0	7,5	3,5	6,5	5,0	
3	T1900072	NGÔ KHÁNH	DUY		14/02/2001	9,5	8,0	4,5	5,0	5,5	
4	T1900075	TRƯƠNG TRƯỜNG	DUY		15/01/2001	10,0	10,0	7,5	7,5	8,0	
5	T1900078	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN		19/09/2001	8,5	9,0	6,5	5,5	5,5	
6	T1900089	VÕ THÀNH	ĐẠM		01/01/2001	9,5	9,5	7,5	7,0	7,5	
7	T1900110	NGUYỄN TẤN	ĐỨC		26/01/2001	5,5	9,0	3,0	5,5	5,5	
8	T1900125	TRẦN HỒNG	HẠNH		05/02/2001	8,0	8,0	3,5	4,5	5,5	
9	T1900131	NGUYỄN KHÃ	HÂN		24/12/2001	8,0	9,0	5,0	6,0	4,5	
10	T1900146	HUỖNH TRUNG	HIẾU		24/03/2001	10,0	9,0	6,5	6,5	6,0	
11	T1900151	ĐỖ VƯƠNG	HÙNG		10/02/2001	9,5	7,5	6,5	6,5	5,5	
12	T1900174	LÊ TRỌNG	HỮU		10/12/2001	7,5	9,0	6,0	6,0	4,5	
13	T1900185	LÊ THỊ THÚY	KIỆU	X	07/06/2001	8,5	8,0	5,5	5,5	5,5	
14	T1900228	NGUYỄN SƠN BẢO	LÂM		28/01/2001	8,0	9,5	4,5	5,5	4,0	
15	T1900259	NGUYỄN KHÁNH	LY		02/04/2001	10,0	8,5	3,5	4,5	6,5	
16	T1900261	LÊ THỊ NGỌC	MAI		23/06/2001	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
17	T1900302	NGUYỄN VÕ KIM	NGÂN	X	06/06/2001	10,0	10,0	5,5	6,0	6,0	
18	T1900371	NGUYỄN HỮU	NHƠN		26/10/2001	9,5	7,5	5,5	6,5	8,0	
19	T1900432	NGUYỄN TRỌNG	QUÍ		01/03/2001	10,0	10,0	4,5	6,0	7,5	
20	T1900447	NGUYỄN HOÀNG	SƠN		24/01/2001	9,5	9,5	4,5	7,0	6,0	
21	T1900475	NGUYỄN CHÁNH	TÍN		14/02/2001	9,0	8,5	5,5	6,5	6,5	
22	T1900479	PHAN QUANG	TÍNH		23/09/2001	10,0	8,5	6,5	6,0	7,5	
23	T1900499	TRẦN VÕ KIM	TUYỂN		02/09/2001	10,0	10,0	6,0	7,5	5,5	
24	T1900516	NGUYỄN TRƯỜNG	THANH		25/07/2001	9,5	9,0	4,5	5,5	5,5	
25	T1900526	CHAU SÓC	THI		31/12/2000	9,0	10,0	2,5	4,5	6,5	
26	T1900527	DƯƠNG SA	THI		01/05/2001	9,0	10,0	4,5	6,0	4,0	
27	T1900550	ĐINH THỊ MINH	THƯ		30/03/2001	8,5	5,5	4,5	5,5	5,5	
28	T1900551	HUỖNH THỊ ANH	THƯ		05/06/2001	9,5	10,0	5,5	6,0	6,5	
29	T1900559	NGUYỄN THỊ TRÚC	THY		16/07/2000	9,5	8,5	4,0	5,5	5,0	
30	T1900611	NGUYỄN CẨM MAI	VI		15/06/2001	8,5	7,5	5,0	6,5	7,0	
31	T1900616	VÕ THỊ THÚY	VI		20/12/2001	9,5	9,5	5,0	4,5	8,0	
32	T1900659	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	X	11/02/2001	10,0	10,0	4,0	5,5	5,0	
33	T1900930	VÕ VĂN	TOÀN		15/05/2001	9,5	10,0	6,0	4,5	7,5	
34	T1900932	LÊ MINH TRUNG	HÙNG		31/10/2001	8,0	8,0	4,5	6,0	6,5	
35	T1900936	QUÁCH TRẦN CẨM	NGỌC	X	15/07/2001	9,5	9,0	4,5	5,0	5,5	
36	T1900937	CAO QUỐC	DUY		07/04/2001	8,5	7,5	4,5	6,0	5,5	



KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THĂNG NĂM 2019

LỚP: 1929TN04

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	TIN HỌC	
1	T1900020	THẠCH TRÚC	ANH	X	27/09/2001	10,0	9,0	5,5	5,5	7,0	
2	T1900022	TRẦN TUẤN	ANH		25/04/2001	9,0	8,5	2,5	6,0	6,0	
3	T1900030	TRẦN KIM	BÚI	X	23/09/2001	9,5	9,5	5,0	5,5	6,0	
4	T1900101	LÝ HẢI	ĐĂNG		10/10/2001	10,0	7,0	5,5	6,5	5,5	
5	T1900135	ĐẶNG TRUNG	HẬU		25/10/2001	5,5	7,5	4,0	4,5	5,0	
6	T1900141	NGHIÊM VĂN	HIỀN		29/06/2001	8,5	4,5	4,5	4,0	6,0	
7	T1900158	LÊ KHẮC	HUY		29/05/2001	7,0	5,0	3,5	5,5	5,0	
8	T1900160	NGUYỄN QUỐC	HUY		18/12/2001	10,0	7,5	6,5	6,0	6,0	
9	T1900162	NGUYỄN KIM	HUYỀN	X	11/09/2001	7,5	9,5	5,5	7,5	6,0	
10	T1900198	PHẠM DUY	KHANG		21/01/2001	6,0	7,5	6,5	8,5	6,5	
11	T1900209	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	X	20/10/2001	6,5	8,0	6,5	8,0	8,0	
12	T1900238	LÊ THỊ YẾN	LINH	X	10/08/2001	10,0	9,5	7,5	6,0	7,0	
13	T1900251	LÊ VŨ	LUÂN		19/09/2001	4,0	2,5	4,0	4,0	5,5	
14	T1900255	PHAN THÀNH	LỤC		12/09/2001	8,5	9,5	6,0	7,5	6,0	
15	T1900268	LÊ NGUYỄN HOÀNG	MINH		09/04/2001	8,5	8,5	5,5	8,0	7,5	
16	T1900285	TRẦN VIỆT	NAM		12/10/2001	9,0	10,0	6,0	7,0	7,0	
17	T1900289	HUỖNH KIM	NGÀ	X	08/12/2001	7,5	6,5	6,5	8,5	5,5	
18	T1900291	HOÀNG THÁI	NGÂN	X	17/12/2001	9,5	8,0	6,5	7,0	6,5	
19	T1900315	NGUYỄN THỊ MỸ	NGỌC	X	01/01/2001	7,0	7,0	7,0	6,5	6,0	
20	T1900339	NGUYỄN PHƯỚC	NHÂN		21/10/2001	8,5	7,5	4,5	7,5	5,5	
21	T1900360	NGUYỄN THỊ QUYẾN	NHI	X	29/12/2001	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
22	T1900441	HỒ VĂN	SANG		26/07/1999	8,5	7,0	5,0	6,5	5,5	
23	T1900463	ĐẶNG THỊ CẨM	TIỀN	X	20/05/1999	10,0	9,5	7,0	6,5	7,0	
24	T1900465	NGUYỄN THỊ CẨM	TIỀN	X	01/07/2001	10,0	10,0	8,0	9,0	7,0	
25	T1900478	PHẠM HỮU	TÌNH		11/01/2001	8,5	6,5	5,5	6,0	6,5	
26	T1900530	NGUYỄN THỊ BÍCH	THI	X	04/10/2001	7,5	6,0	5,0	4,5	4,5	
27	T1900566	TRẦN NGỌC XUÂN	TRANG	X	27/03/2001	9,0	8,0	3,0	6,0	7,0	
28	T1900596	BÙI QUỐC	TRUNG		03/01/2001	8,0	6,5	7,5	8,0	5,0	
29	T1900600	CAO NGUYỄN	TRƯƠNG		06/10/2001	9,5	10,0	6,5	7,5	8,0	
30	T1900618	LÊ TUẤN	VĨ		24/06/2000	8,5	9,5	5,0	7,0	5,0	
31	T1900743	TRẦN THỊ THÚY	LIỄU	X	11/07/2001	8,5	8,5	5,5	7,0	5,5	
32	T1900921	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	X	29/12/2000	5,5	9,5	4,0	6,5	6,5	
33	T1900931	PHẠM HUỖNH	NHƯ	X	29/09/2000	9,0	9,5	5,5	6,5	7,5	
34	T1900933	TRƯƠNG THỊ YẾN	NHI	X	10/11/2001	10,0	8,5	7,5	8,0	7,5	
35	T1900934	NGUYỄN THỊ THÙY	TIỀN	X	03/08/2001	10,0	10,0	5,5	7,5	7,5	
36	T1900935	LÊ HỮU	THẮNG		20/06/2001	7,0	9,5	3,5	5,5	5,0	
37	T1900938	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	X	14/11/2000	7,5	9,5	5,5	6,0	5,0	

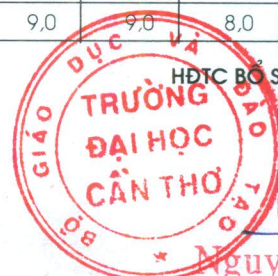


KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2019

LỚP: 1929XH01

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						VĂN	SỬ	ĐỊA	ANH	TIN HỌC	
1	T1900139	PHAN PHÚC	HẬU		27/08/2000	6,0	8,5	6,0	5,0	5,0	
2	T1900290	ĐỖ THỊ THANH	NGÂN	X	13/10/2000	8,5	8,5	7,5	7,0	5,0	
3	T1900656	HUỖNH	ANH		07/05/2001	4,5	5,0	6,0	7,0	5,0	
4	T1900661	PHAN BẢO	ANH		05/10/2001	8,5	9,0	6,5	6,0	8,0	
5	T1900682	NGUYỄN MINH	DƯƠNG		31/05/2001	9,0	8,0	7,5	7,5	8,5	
6	T1900692	NGUYỄN CAO	ĐỒNG		11/11/2001	7,0	6,5	7,5	7,0	5,0	
7	T1900701	NGUYỄN NGỌC	HẰNG	X	27/01/2001	8,5	9,0	6,0	6,5	7,0	
8	T1900703	LÊ THỊ CẨM	HẰNG	X	20/09/2001	8,5	9,0	7,5	7,0	7,0	
9	T1900707	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÂN	X	31/01/2001	9,0	9,5	6,0	7,0	6,5	
10	T1900721	LÊ THỊ THU	HUYỀN	X	19/06/2001	6,0	7,0	4,5	6,5	3,5	
11	T1900723	LÊ NHƯ	HUỖNH	X	27/07/2001	9,0	10,0	7,5	7,0	7,5	
12	T1900733	HUỖNH PHƯƠNG	KHANG		16/08/2001	9,0	8,5	7,5	9,0	6,5	
13	T1900734	NGUYỄN DUY	KHANG		07/04/2001	7,5	8,5	5,0	6,5	4,5	
14	T1900736	NGUYỄN THỦ	KHOA		02/08/2001	7,0	8,0	6,0	5,5	7,0	
15	T1900737	DƯƠNG THỊ CẨM	KHUYẾN	X	20/01/2001	9,5	9,5	8,0	8,0	7,0	
16	T1900744	VÕ THÚY	LIÊU	X	11/09/2001	9,5	9,0	6,5	7,0	5,0	
17	T1900745	DƯƠNG THỊ NHÃ	LINH	X	30/09/2001	8,0	9,0	8,0	6,5	6,0	
18	T1900751	HUỖNH CẨM	LINH	X	24/07/2000	6,5	9,0	7,0	7,0	4,5	
19	T1900766	HUỖNH CHÍ	NAM		25/03/2001	9,5	8,5	6,0	6,5	8,5	
20	T1900772	KAM SÔ PHA	NY		05/02/2001	8,0	9,0	7,0	6,0	7,0	
21	T1900773	VÕ NGỌC TÔ	NY	X	14/10/2001	7,5	8,5	7,5	7,5	7,0	
22	T1900774	HUỖNH THỊ KIM	NGÂN	X	15/08/2001	8,5	8,0	5,5	7,0	7,0	
23	T1900776	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	X	16/05/2001	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
24	T1900779	NGUYỄN THỊ	NGHI	X	01/04/2001	8,5	8,5	8,0	9,0	5,5	
25	T1900807	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHỊ	X	15/05/2001	5,5	9,0	7,0	7,0	5,5	
26	T1900811	TRƯƠNG THỊ CẨM	NHUNG	X	01/01/2000	8,0	9,0	8,0	7,0	4,5	
27	T1900823	NGUYỄN NHẬT	PHI		25/10/2001	9,5	9,5	8,0	8,0	9,0	
28	T1900830	TRẦN HUỖNH TÚ	QUY	X	19/05/2001	9,0	9,0	8,0	8,0	6,0	
29	T1900838	NGUYỄN THANH	SƠN		26/01/2001	8,0	7,0	5,5	5,5	3,5	
30	T1900856	ĐẶNG THỊ BÍCH	TUYẾN	X	04/09/2001	9,5	9,0	8,0	7,0	7,5	
31	T1900867	LÊ PHÚ	THỊNH		29/09/2001	6,5	8,5	5,0	7,5	3,5	
32	T1900872	HUỖNH THỊ KIM	THƠ	X	16/12/2000	9,5	8,5	8,0	6,5	4,5	
33	T1900878	LÊ ANH	THƯ	X	29/03/2000	8,5	9,0	8,0	8,5	5,5	
34	T1900900	VÕ TRỌNG	TRÍ		16/06/2001	8,5	9,0	8,0	7,0	5,5	
35	T1900901	LÊ MINH	TRIẾT		16/12/2001	8,5	8,0	8,0	7,0	5,0	
36	T1900916	NGUYỄN THỊ YẾN	XUÂN	X	22/11/2001	9,0	9,5	8,0	8,0	5,0	
37	T1900929	LÊ THỊ	NGÂN	X	21/11/2001	9,0	9,0	8,0	8,0	5,0	



HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

Nguyễn Minh Trí

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019-2020
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẮNG NĂM 2019

LỚP: 1929XH02

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI					GHI CHÚ
						VĂN	SỬ	ĐỊA	ANH	TIN HỌC	
1	T1900654	TRỊNH THÚY	AN	X	17/01/2001	9,5	9,5	7,0	7,5	8,5	
2	T1900662	VƯƠNG HUỲNH BẢO	ANH	X	20/03/2001	9,5	8,5	7,5	7,5	8,0	
3	T1900663	NGUYỄN HỮU	ẢNH		27/11/2001	10,0	8,5	7,5	8,0	4,0	
4	T1900668	NGUYỄN HỒNG	CHIÊU	X	04/11/2001	10,0	9,5	8,0	8,0	7,5	
5	T1900690	NGUYỄN THỊ CHÂU	ĐOAN	X	16/01/2000	9,0	7,0	5,5	7,0	5,0	
6	T1900691	NGUYỄN QUỐC	ĐÔ		18/10/2001	7,5	9,0	5,5	7,0	6,0	
7	T1900695	TRẦN TỬ	GIANG		26/02/2001	7,5	7,5	5,0	4,5	6,5	
8	T1900710	NGUYỄN THỊ	HIÊN	X	03/12/2001	8,0	9,0	6,0	2,5	7,0	
9	T1900718	HỒ THỊ MỸ	HUYỀN	X	27/11/2001	9,0	9,0	6,5	7,5	7,0	
10	T1900720	LÂM MỸ	HUYỀN	X	09/05/2001	9,0	9,5	8,0	5,5	8,0	
11	T1900742	TỔNG NGỌC	LAN	X	17/04/2001	9,0	9,0	8,0	5,0	7,5	
12	T1900752	NGUYỄN TRẦN HOÀI	LỘC	X	26/10/2001	5,5	8,5	6,5	7,0	6,5	
13	T1900754	MAI HỮU	LUẬN		10/07/2001	7,5	9,5	5,0	4,0	6,0	
14	T1900786	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	X	16/07/2001	9,5	9,0	5,5	4,5	7,0	
15	T1900788	VÕ HỒNG	NGỌC	X	12/03/2001	7,5	8,0	4,5	6,5	6,0	
16	T1900795	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	NHÂN		06/04/2001	5,5	8,0	5,0	6,5	4,0	
17	T1900796	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN		21/03/2001	7,5	9,0	7,0	5,0	8,0	
18	T1900805	PHAN THỊ YẾN	NHI	X	03/06/2001	8,0	8,0	7,5	5,5	8,5	
19	T1900840	PHẠM THỊ TUYẾT	SƯƠNG	X	19/05/2001	8,0	8,0	5,5	5,5	8,0	
20	T1900844	NGUYỄN CẨM	TIÊN	X	27/08/2001	9,0	9,0	7,5	7,0	6,0	
21	T1900855	BÙI THỊ BẢO	TUYÊN	X	16/01/2001	8,5	9,0	3,0	4,5	4,5	
22	T1900865	VÕ THỊ BÉ	THI	X	27/04/2001	9,0	8,5	8,0	5,0	7,5	
23	T1900866	VÕ TIỂU	THIÊN		30/04/2001	7,5	8,0	6,0	6,0	7,0	
24	T1900882	TRẦN THỊ NHƯ	THƯ	X	11/07/2001	8,5	9,0	7,5	5,0	7,5	
25	T1900890	VÕ THÙY	TRANG	X	01/01/2000	10,0	8,0	7,5	6,5	4,5	
26	T1900904	THẠCH THỊ	TRINH	X	14/10/2001	7,5	9,0	6,5	4,0	3,5	
27	T1900917	HUỲNH THỊ MỸ	XUYỀN	X	13/10/2001	9,0	9,5	6,5	3,5	5,0	
28	T1900923	HUỲNH VĨNH	HẬU		09/11/2001	7,0	6,0	3,5	5,0	3,0	
29	T1900925	QUÁCH DẠ	QUYÊN	X	14/12/2001	8,5	8,0	7,5	6,0	6,0	
30	T1900939	TRẦN TÚ	QUYÊN	X	30/09/2001	8,0	9,0	6,5	7,0	7,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
★ Nguyễn Minh Trí